TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Mạnh;

2. Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Số nhà 178 đường Khúc Trì, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Th; ĐKHKTT: Số nhà 178 đường Khúc Trì, phường Ngọc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn do không hiểu biết và do lúc đó ông đang là bộ đội bên Lào nên không có nhiều thời gian ở nhà. Thời gian đầu, quan hệ vợ chồng bình thường, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ

chồng không hợp nhau về tính cách cũng như bất đồng quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2005, cả hai cũng vì con mà hàn gắn nhưng cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Từ năm 2015 bà Th bỏ sang làm ăn sinh sống ở Hàn Quốc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Gia đình hai bên, bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả. Ông T đã liên lạc với bà Th qua điện thoại yêu cầu bà Th cung cấp địa chỉ, nơi cư trú và hợp tác làm thủ tục ly hôn, bà Th không cung cấp được và nêu do không có nơi ở ổn định, thường xuyên thay đổi vì làm nghề tự do và do tình hình dịch bệnh Covid nên bà Th không gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai và cũng không về nước để giải quyết theo yêu cầu của Tòa án. Nay, xét thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với bà Lê Thị Th theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1987 và Nguyễn Tiến Tiệp, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1991, đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị Th không cung cấp quan điểm, ý kiến cho Tòa án.

Xác minh đại diện gia đình và bạn bè của ông T, bà Th đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: Ông T và bà Th chung sống với nhau từ năm 1986, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ lâu và không hàn gắn được. Qua điện thoại, bà Th vẫn liên lạc về nói chuyện với gia đình và biết được việc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đang giải quyết ly hôn nhưng bà Th không về nước cũng không cung cấp địa chỉ, nơi cư trú.

Xác minh tại chính quyền địa phương: Qua tra cứu sổ sách thì không có trường hợp có tên như nguyên đơn và bị đơn đăng ký kết hôn, ông bà có quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên và việc bà Th hiện vắng mặt tại địa phương và theo gia đình trình bày là bà Th sang Hàn Quốc là từ 2015 đến nay không về.

Xác minh tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thể hiện bà Th có 17 lần xuất nhập cảnh và lần gần nhất là ngày 28-3-2015 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Do không tống đạt được các văn bản tố tụng trực tiếp, Tòa án đã giao cho đại diện gia đình và chính quyền địa phương nhận đồng thời niêm yết tại tổ dân phố, tại UBND phường nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th chung sống với nhau trước thời điểm 03 tháng 01 năm 1987, nay ông T xin ly hôn với bà Th hiện đang cư trú ở Hàn Quốc nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận cuộc sống vợ chồng của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th không có hạnh phúc, do bất đồng quan điểm lối sống, hai bên sống ly thân, không còn quan hệ gì. Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T; về con chung và tài sản chung: ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th có hai con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không đặt vấn đề giải quyết giải quyết về việc nuôi con chung và tài sản chung. Nguyên đơn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1986 và không đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình". Theo đó, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bà Lê Thị Th hiện đang cư trú tại nước ngoài. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều

39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bà Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Lê Thị Th.

- Về nội dung:

[3] Lời khai của ông Nguyễn Văn T thống nhất với lời khai của đại diện gia đình về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và trầm trọng nhất là từ năm 2015 cho đến nay, bà Lê Thị Th sang Hàn Quốc làm việc, sinh sống từ đó đến nay không về. Hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã ly thân không ai còn quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế, do khoảng cách địa lý xa xôi khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy việc ông T xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lê Thị Th.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th có hai con chung là Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1987 và Nguyễn Tiến Tiệp, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1991 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Lê Thị Th.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Th có hai con chung là Nguyễn Văn Đức, sinh ngày 13 táng 6 năm 1987 và Nguyễn Tiến Tiệp, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1991 đều đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0008653 ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Thượng Lý, quận HB, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân Thúy